

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/HSST

Ngày: 11/ 4/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Loan
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Duy Thi - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 166/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Phùng Văn C**, sinh năm 1995 tại Thanh Hóa, Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: đường N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn C2 và bà Lê Thị L; tiền án: không, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2010 bắt đi trường giáo dưỡng số 2 ở Yên Mô, Ninh Bình. Ngày 15/01/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 20 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 32 tháng tù về tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 52 tháng tù. Ra trại ngày 07/10/2015. Ngày 25/01/2018 TAND huyện Như Xuân xử phạt 36 tháng tù giam về

tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2017 đến ngày 23/12/2017 chuyển tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Minh Đ ; sinh năm 1997 tại Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: chung cư M, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Minh T (đã chết) và bà Bùi Thị V; tiền án: không, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2016 bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “ Sử dụng C cụ hỗ trợ trái quy định nhưng chưa gây hậu quả và “ cản trở không chấp hành kiểm tra, kiểm soát của người thi hành C vụ”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2017 đến ngày 23/12/2017 chuyển tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút, ngày 14/12/2017, tại trước quán Karaoke P ở đường T, phường Đ, thành phố T, tổ C tác đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Thanh Hóa phát hiện, bắt quả tang Phùng Văn C và Bùi Minh Đ đang có hành vi tàng trữ ma túy để bán. Qua khám xét tại chỗ, Đ giao nộp cho tổ C tác 01 (một) gói nilon màu trắng, viên đỏ, kích thước 3x6cm, bên trong chứa 06 (sáu) viên nén hình tròn, màu trắng, đường kính mỗi viên khoảng 0,6cm. Đ và C khai nhận đây là 06 (sáu) viên thuốc lắc đang mang đi bán cho khách. Ngoài ra, C giao nộp cho tổ C tác 05 (năm) gói nilon gồm: 01 (một) gói nilon màu trắng, viên đỏ, kích thước 3x5cm, bên trong chứa 09 (chín) viên nén hình tròn, màu trắng, đường kính mỗi viên khoảng 0,6 cm; 03 (ba) gói nilon màu trắng, viên đỏ, kích thước mỗi gói 3 x 6 cm, bên trong đều chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 (một) gói nilon màu trắng, viên xanh, kích thước 3x3cm, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng. C khai nhận đây là 05 (năm) gói ma túy gồm 01 (một) gói đựng 09 (chín) viên thuốc lắc, 03 (ba) gói ma túy đá và 01 (một) gói ketamine của C đang cất giấu với mục đích để bán. Tổ C tác đã tuyên bố bắt quả tang, đưa C, Đ cùng tang vật về trụ sở Công an thành phố Thanh Hóa lập biên bản và niêm phong vật chứng theo quy định. Ngoài ra còn tạm giữ của Đ 01 (một) xe máy hiệu Vision màu trắng, BKS 36B4-88016.

Tại Bản Kết luận giám định số 6363/C54(TT2) ngày 03/01/2018 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

+ Phong bì M1: (gói 06 viên nén thu giữ của Đ) là ma túy, có tổng trọng lượng 1,793 gam, loại MDMA, Methamphetamine và Methylphenidate

+ Phong bì M2: (gói 09 viên nén thu giữ của C) là ma túy, có tổng trọng lượng 2,768 gam, loại MDMA, Methamphetamine và Methylphenidate

+ Phong bì M3: (03 gói nilon viên đỏ chứa các hạt tinh thể màu trắng thu giữ của C) đều là ma túy, có tổng trọng lượng 5,575 gam, loại Methamphetamine

+ Phong bì M4: (thu giữ của C) 01 gói nilon viên xanh chứa các hạt tinh thể màu trắng gửi giám định trọng lượng 1,457 gam không tìm thấy các chất ma túy.

Đối với chiếc xe máy Vision BKS 36B4- 88016, quá trình điều tra xác minh, đây là xe của Đ mượn của chị Phạm Thị N SN 1998 ở thôn T, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Khi mượn xe, Đ không cho chị N biết để đi bán ma túy, chị N có đơn đề nghị xin lại xe nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã tiến hành trả lại cho chị N là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số 85/ CT - VKS - MT ngày 21/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá, truy tố các bị cáo Phùng Văn C và Bùi Minh Đ về tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo qui định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999.

Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999 đề nghị mức hình phạt :

Bị cáo Phùng Văn C từ: 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

Bị cáo Bùi Minh Đ từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù.

Về vật chứng đề nghị áp dụng khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định.

Bị cáo Đ khai nhận: Tối ngày 14/12/2017 có người gọi điện đến cho Đ hỏi mua 06 (sáu) viên thuốc lắc với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng), biết C có ma túy nên Đ tìm và gặp C ở nhà G. Tại đây, C đưa cho Đ 06 (sáu) viên thuốc lắc để Đ mang đi bán. Đ nhận ma túy rồi rủ C đi cùng, khi đến trước đường T, phường Đ, thành phố T thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo Phùng Văn C khai nhận: Toàn bộ số ma túy mà Công an thu giữ của C và Đ là của S nhà ở C, phường Đ, thành phố T đưa cho C vào sáng ngày 14/12/2017 để C bán hộ nhưng chưa kịp bán thì bị Công an bắt.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Phùng Văn C khai nhận: Vào sáng ngày 14/12/2017 tại nhà anh G ở đường H, phường Đ, thành phố T, S nhà ở C, phường Đ, thành phố T đưa số ma túy cho C gồm: 05 (năm) gói ma túy: 01 (một) gói đựng 15 viên thuốc lắc, 03 (ba) gói ma túy đá, và 01 (một) gói ketamine. Mục đích để C đi bán hộ. Đến khoảng 20h45' cùng ngày khi C đang ở nhà G thì Đ đến nói có khách mua 06 viên thuốc lắc, Tôi (C) đưa cho Đ 06 viên thuốc lắc để đi bán . Đ rủ C cùng đi. Khi đến trước quán Karaoke P ở đường T, phường Đ, thành phố T, tổ C tác động cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Thanh Hóa phát hiện, bắt quả tang thu giữ tại chỗ của Đ 06 viên thuốc lắc và C tự giác giao nộp 05 (năm) gói ma túy: 01 (một) gói đựng 09 viên thuốc lắc, 03 (ba) gói ma túy đá, và 01 (một) gói ketamine.

Bị cáo Đ khai nhận: Tối ngày 14/12/2017 có người gọi điện đến cho Đ hỏi mua 06 (sáu) viên thuốc lắc với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng), biết C có ma túy nên Đ tìm và gặp C ở nhà G. Tại đây, C đưa cho Đ 06 (sáu) viên thuốc lắc để Đ mang đi bán. Đ nhận ma túy rồi rủ C đi cùng, khi đến trước đường T, phường Đ, thành phố T thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của các bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999. Vì vậy VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố các bị cáo, cơ quan điều tra khởi tố các bị cáo về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hiện nay tệ nạn ma túy đang là hiểm họa cho toàn xã hội, là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, suy thoái giống nòi, suy kiệt về kinh tế, là một trong những tác nhân làm lây lan căn bệnh HIV/AIDS. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội.

[3] Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội dưới dạng đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc phân C vai trò mà cùng thực hiện. Tuy nhiên cần áp dụng Điều 53 BLHS năm 1999 để phân hóa vai trò và lên mức hình phạt tương ứng với hành vi của từng bị cáo. Nguồn gốc ma túy là do bị cáo C đưa cho Đ và cùng đi bán, ngoài ra bị cáo C còn mang theo số lượng ma túy qua giám định 8,343 gam mục đích để bán, nhưng chưa bán được thì bị bắt, số lượng ma túy này bị cáo Đ không biết. Do vậy bị cáo C giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Đ là phù hợp.

Các bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu. Bị cáo C năm 2013 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tháng 01 năm 2018 lại bị xét xử về tội “trộm cắp tài sản”, bị cáo Đ năm 2016 bị xử phạt hành chính. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thì việc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian là cần thiết, như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

Tuy nhiên quá trình điều tra, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, nên khi xem xét hình phạt đối với bị cáo cũng cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Phùng Văn C tại bản án số 01/2013/HSST của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị cáo bị xử phạt 20 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, 32 tháng tù về tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 52 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong bản án và ra trại ngày 07/10/2015. Đến ngày 18/6/2016 và ngày 05/7/2016 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhưng đến tháng 01/2018 mới bị xét xử về các hành vi trộm cắp này . Ngày 14/12/2017 bị cáo thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy nay bị đưa ra xét xử, vì vậy lần phạm tội này bị cáo không bị coi là tái phạm và các bản án trước không bị coi là tiền án mà chỉ tính là nhân thân.

Tại bản án số 02/2018/HS-ST ngày 25/01/2018 TAND huyện Như Xuân xử phạt bị cáo Phùng Văn C 36 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Hiện nay bản án này đã có hiệu lực pháp luật vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS năm 1999 để tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù của bản án này với hình phạt của bản án mới, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[4] Đối với vật chứng: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì thư, hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá là vật cấm lưu hành. Nên cần áp dụng khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 53 BLHS. khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS năm 1999(đối với bị cáo C); khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Các bị cáo Phùng Văn C, Bùi Minh Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt: 1.Bị cáo Phùng Văn C 04(bốn) năm 06(sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù của bản án số 02/2018/HS-ST ngày 25/01/2018 TAND huyện Như Xuân. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07(bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 14/12/2017.

2. Bị cáo Bùi Minh Đ 30(Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 14/12/2017.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì được đóng dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 105/THA ngày

05/4/2018 giữa Công an thành phố Thanh Hóa với Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- THATPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt